

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 11-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hoài

Ông Nguyễn Văn Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Quốc Huy; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào; Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 97/2019/TLPT-HS ngày 29-7-2019 đối với bị cáo Lê Thị Thu N, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 92/2019/HS-ST ngày 20-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

* Bị cáo kháng cáo.

Họ và tên: **Lê Thị Thu N**, sinh năm 1983 tại tỉnh Lâm Đồng. Nơi ĐKKHKT: Số 604 TN, thị trấn LN, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Nơi cư trú: Hẻm 78 thôn PT, xã PH, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 05/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Phật. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Khắc Ph (Đã chết), con bà Đoàn Thị Đ; chồng là Phạm Gia H, sinh năm 1979, có 04 con, con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Trong vụ án này, bị hại vợ chồng bà Tuyên, ông Thành; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đức, chị Hằng, chị Phượng, chị Hường (Trà), anh Trí, chị Thủy, chị Giang, chị Ánh, chị Nhiều không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2014 đến cuối năm 2014, bị cáo Lê Thị Thu N làm nhân viên tiếp thị bán hàng trả góp của Cửa hàng điện máy Kim Thành (sau đây viết tắt Cửa hàng Kim Thành) tại thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; do vợ chồng, bà Lăng Hoàng Bích Tuyền, ông Đinh Kim Thành làm chủ.

Do bị cáo N nợ tiền một số người và không có điều kiện trả nợ, nên bị cáo N đã có hành vi “Làm giả hợp đồng của Cửa hàng Kim Thành”, bằng cách giả chữ ký của khách hàng, khai địa chỉ giả mục đích nhằm chiếm đoạt tiền bán hàng của Cửa hàng Kim Thành lấy tiền trả nợ. Sau khi làm giả hợp đồng, giả chữ ký của khách hàng, bị cáo N báo về Cửa hàng để bị hại bà Tuyền cử anh Nguyễn Hoàng Đức nhân viên đến giao hàng theo hợp đồng. Do vậy, bị cáo N đã thực hiện hành vi nhiều lần để chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

Lần 1: Bị cáo N có quen biết với chị Sần Xuân Hằng và nợ của chị Hằng số tiền 4.000.000đ, nên để trả nợ cho chị Hằng, ngày 10-6-2014, bị cáo N lập hợp đồng trả góp mua bán ti vi hiệu Sam Sung 40inch trị giá 16.690.000đ với cửa hàng lấy tên khách là Sần Xuân Hằng, giả chữ ký chị Hằng. Thực tế bị cáo N bán ti vi này cho chị Hằng với giá 11.500.000đ. Sau khi nhân viên cửa hàng chở tivi đến giao chị Hằng trả tiền 01 lần, trừ tiền nợ 4.000.000đ, chị Hằng đưa cho bị cáo N số tiền 7.500.000đ. Bị cáo N đã lấy tiền này và trả trước cho Cửa hàng số tiền 5.690.000đ, số tiền còn lại bị cáo N tiêu xài cá nhân.

Theo kết luận số 66 ngày 15-11-2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Trọng xác định ti vi hiệu Sam Sung 40inch trị giá 10.650.000đ, bị cáo N đã chiếm đoạt của Cửa hàng Kim Thành số tiền là 4.960.000đ, sau đó bị cáo N đóng thêm 03 tháng trả góp, mỗi tháng 1.000.000đ nhằm tránh bị phát hiện. Đến tháng 8-2014, bà Tuyền phát hiện trình báo Công an, nên bị cáo N đã đi mua ti vi khác giống tivi bị cáo N đã lấy trả lại cho bà Tuyền.

Lần 2: Bị cáo N nợ tiền của chị Bùi Thị Phụng không khả năng trả, nên cùng với thủ đoạn nêu trên, bị cáo N lập hợp đồng trả góp 01 tivi Sam sung 40 inch lấy tên khách là Hòa với giá là 16.690.000đ, chị Hòa khai không ký hợp đồng mua bán ti vi; đến ngày 22-6-2014 bị cáo N đã gán nợ cho chị Phụng với giá là 8.000.000đ.

Theo kết luận số 66 ngày 15-11-2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Trọng xác định ti vi Sam Sung 40inch trị giá 10.650.000đ, Sau này bị cáo N báo lại tên khách hàng là Phụng cho chị Tuyền, bị cáo N lấy tiền của mình trả trước cho Cửa hàng là 5.690.000đ, sau đó báo cửa hàng chở ti vi đến nhà bà Phụng, tại thời điểm này trừ tiền thực tế bán tivi, bị cáo N đã chiếm đoạt của Cửa hàng Kim Thành số tiền là 4.960.000đ, bị cáo N cũng trả góp được 02 tháng mỗi tháng 01 triệu đồng.

Lần 3. Bị cáo N làm giả hợp đồng tên Hương (tên thật Trần Thị Thu Hương, tên gọi khác Trà) ghi ngày 23/7/2014, để mua tivi Panasonic 32 inch với giá bán là 7.890.000đ. Bị cáo N trả trước 1.890.000đ, sau đó trả góp được 1.350.000đ. Bị cáo N khai làm giả hợp đồng tên chị Hương để bán cho người

tên Hồng ở thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nhưng không biết tên tuổi và nơi ở cụ thể.

Theo kết luận số 66 ngày 15/11/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đức Trọng xác định chiếc ti vi này là 5.350.000đ. Tại thời điểm làm giả hợp đồng, bị cáo N chiếm đoạt của Cửa hàng Kim Thành số tiền 3.460.000đ, trừ tiền trả góp bị cáo N còn thiếu lại 2.110.000đ.

Lần 4. Ngày 02-8-2014, bị cáo N làm giả hợp đồng tên Hương (tên thật Trần Thị Thu Hương tên gọi khác Trà) 01 tivi Sony 40 inch với giá trả góp số tiền là 12.890.000đ, trả trước số tiền là 3.890.000đ. Sau khi giao hàng do phát hiện bị cáo N làm giả hợp đồng nên cửa hàng không giao ti vi nữa, bị cáo N chưa chiếm đoạt được.

Lần 5: Ngày 6-8-2014, bị cáo N làm giả hợp đồng trả góp tên chị Võ Ngọc Lan (không xác định được lai lịch) 01 tivi Samsung 40 inch với số tiền 16.690.000đ.

Theo kết luận số: 66 ngày 15/11/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đức Trọng xác định ti vi này có giá trị là 10.650.000đ; sau khi bị cáo N báo địa chỉ khách mua, bà Tuyên cho nhân viên chở hàng tới, bị cáo N mang hợp đồng về và đưa trước cho chị Tuyên số tiền là 5.690.000đ; tại thời điểm này trừ tiền thực tế bán tivi bị cáo N đã chiếm đoạt của Cửa hàng Kim Thành số tiền là 4.960.000đ, sau đó bị cáo N trả góp được 1.000.000đ. Chiếc ti vi này bị cáo N gán nợ cho người tên Lan ở Đà Lạt (không rõ địa chỉ) để trừ nợ số tiền 9.000.000đ bị cáo nợ của họ.

Lần 6: Bị cáo N nợ tiền của anh Cao Minh Trí không có khả năng trả, bị cáo N đã gán nợ cho anh Trí 01 tivi Sam sung 40 inche với giá là 8.500.000đ. Vào ngày 08-8-2014, bị cáo N lấy tên khách Cao Minh Trí mua trả góp chiếc tivi này và giả chữ kí của Trí nhưng anh Trí khai không mua bán và không ký hợp đồng nào với bị cáo N với giá là 16.690.000đ, bị cáo N lấy tiền của mình trả trước cho Cửa hàng số tiền 4.690.000đ, sau đó bị cáo N báo cửa hàng chở ti vi đến nhà ông Trí.

Theo kết luận số: 66 ngày 15/11/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đức Trọng xác định chiếc ti vi này có giá trị là 10.650.000đ. Tại thời điểm này trừ tiền thực tế bán tivi bị cáo N chiếm đoạt của Cửa hàng Kim Thành số tiền 5.690.000đ; Chiếc ti vi này bị cáo N gán nợ cho người tên Út ở Đà Lạt (không rõ nhân thân lai lịch) để trừ nợ số tiền 9.000.000đ. Bị cáo N đóng tiền trả góp hàng tháng 1,6 triệu, hiện tại bị cáo N chưa trả 4.010.000đ.

Lần 7: Ngày 21-8-2014, bị cáo N làm hợp đồng trả góp mua 01 tivi Sony 40 inche với cửa hàng lấy tên khách là Bùi Thị Phụng. Bị cáo N giả chữ kí của Phụng kí vào hợp đồng mua tivi với giá là 13.690.000đ. Sau khi giao ti vi bị cáo N khai bán cho người tên Tâm (hiện không rõ nhân thân lai lịch) lấy tiền 01 lần. Bị cáo N lấy tiền của mình trả trước cho cửa hàng là 3.690.000đ, trả góp được 01 tháng 1.000.000đ.

Theo kết luận số: 66 ngày 15/11/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Trọng xác định chiếc tivi này giá trị là 9.250.000đ. Tại thời điểm làm giả bị cáo N chiếm đoạt của Cửa hàng Kim Thành số tiền 5.560.000đ. Tính theo tiền gốc cửa hàng nhập và trừ tiền ban đầu bị cáo N đưa cho cửa hàng, tiền trả góp bị cáo N còn nợ 4.560.000đ.

Lần 8: Vào ngày 22-8-2014, bị cáo N làm giả hợp đồng trả góp mua tivi 01 tivi Sony 40 inche với cửa hàng lấy tên khách là Nông Thị Thu Hà nhằm mục đích bán cho người tên Linh (không rõ lai lịch) ở thành phố Đà Lạt. Số tiền trả góp 13.690.000đ, trả trước 3.690.000đ. Khi giao hàng do phát hiện nên bị cáo N chưa chiếm đoạt được.

Lần 9: Ngày 20-8-2014, bị cáo N làm giả hợp đồng trả góp tên chị Trà (tên thật Trần Thị Thu Hương) để lấy của cửa hàng 01 tivi Sony 40 inche KTS với số tiền trong hợp đồng là 13.690.000đ.

Theo kết luận số: 66 ngày 15/11/2016 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Trọng xác định tivi này là 9.250.000đ. Sau khi bị cáo N báo địa chỉ khách mua hàng, chị Tuyền cho nhân viên chở hàng tới. Sau khi giao hàng bị cáo N mang hợp đồng về và lấy tiền đưa trước cho chị Tuyền số tiền 3.690.000đ. Bị cáo N chiếm đoạt của Cửa hàng Kim Thành số tiền 5.560.000đ. Tính theo tiền gốc cửa hàng nhập trừ tiền ban đầu bị cáo N đưa cho cửa hàng còn lại 5.460.000đ.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo N chiếm đoạt của Cửa hàng Kim Thành khi làm giả 09 hợp đồng với số tiền là 35.150.000đ.

Ngoài ra bị cáo N còn làm giả 07 hợp đồng mua đồng bán đồ gia dụng cụ thể sau:

Lần 1. Hợp đồng giả đề ngày 28-5-2014 mua nồi hấp, bộ nồi Pana, bị cáo N lấy tên khách là Thủy với giá là 1.330.000đ. Bị cáo N trả trước 480.000đ, chiếm đoạt của Cửa hàng Kim Thành số tiền 850.000đ. Chị Thủy khai có quen biết với bị cáo N nhưng không có quan hệ mua bán trả góp.

Lần 2. Hợp đồng giả ngày 3-6-2014 bị cáo N lấy tên khách hàng là chị Ngô Thị Thủy mua máy nước nóng, nhưng chị Thủy khai không có quan hệ mua bán hợp đồng trả góp nào.

Theo kết luận số: 25 ngày 24/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Trọng xác định là 1.950.000đ. Bị cáo N trả trước số tiền 590.000đ, chiếm đoạt của Cửa hàng Kim Thành số tiền 1.360.000đ

Lần 3. Hợp đồng giả ngày 21-6-2014, bị cáo N lấy tên khách hàng chị Thủy mua bộ nồi Sunhouse và máy nước nóng.

Theo kết luận số: 25 ngày 24/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Trọng xác định giá trị là 3.600.000đ; bị cáo N trả trước 980.000đ; còn lại bị cáo chiếm đoạt của cửa hàng Kim Thành số tiền là 2.620.000đ.

Lần 4. Hợp đồng giả tên chị Thủy ngày 29/6/2014 mua bình thủy và nồi cơm Pana.

Theo kết luận số: 25 ngày 24/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Trọng xác định giá trị là 1.180.000đ; bị cáo N trả trước 380.000đ; còn lại bị cáo chiếm đoạt của cửa hàng Kim Thành số tiền 800.000đ

Lần 5. Hợp đồng giả ngày 2/7/2014 mua mặt hàng là nệm 1,6m 15p tên chị Giang nhưng chị Giang khai không ký hợp đồng nào với bị cáo Nga.

Theo kết luận số: 25 ngày 24/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Trọng xác định giá trị là 1.950.000đ, bị cáo N trả trước 690.000đ; còn lại chiếm đoạt của cửa hàng Kim Thành số tiền là 1.260.000đ.

Lần 6. Hợp đồng giả tên chị Thủy ngày 10/7/2014, mua hàng máy giặt Sanyo 7kg.

Theo kết luận định giá số: 25 ngày 24/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Trọng xác định là 3.900.000đ, bị cáo N trả trước 1.390.000đ, còn lại bị cáo chiếm đoạt của cửa hàng Kim Thành số tiền là 2.510.000đ.

Lần 7. Ngày 26/7/2014 bị cáo N làm giả hợp đồng tên Lý Thị Diễm Hiền mua mặt hàng nồi cơm pana, giá trị là 450.000đ nhưng không xác định tên tuổi; bị cáo N trả trước 260.000đ, bị cáo chiếm đoạt của cửa hàng Kim Thành số tiền là 190.000đ.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo N chiếm đoạt của Cửa hàng Kim Thành đồ gia dụng có giá trị 9.590.000đ.

Quá trình điều tra xác định bị cáo N dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của cửa hàng Kim Thành tổng cộng là 44.740.000đ.

Về dân sự: Theo biên bản làm việc ngày 21/12/2018 chị Tuyền và bị cáo N thỏa thuận bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà Tuyền số tiền 72.670.000đ khắc phục hậu quả đã gây ra. Bị cáo đã trả cho bà Tuyền số tiền 20.000.000đ, còn lại 52.670.000đ. Bị cáo có trách nhiệm trả trong thời gian 04 tháng mỗi tháng 13.000.000đ vào các ngày 25 hàng tháng kể từ ngày 25-1-2019 đến ngày 24-4-2019 nhưng bị cáo chưa trả số tiền theo thỏa thuận.

Đối với hợp đồng bị cáo N lập ngày 10-6-2014 ghi tên chị Linh (Đặng Thị Linh bán trả góp ti vi sam sung 40 inch với giá 12.690.000đ. Hợp đồng ngày 30/5/2014 ghi tên Ngô Thị Lệ Thuyên mua ti vi Toshiba 32 inch giá 7.890.000đ. Hai hợp đồng trên bà Linh, bà Thuyên trực tiếp ký hợp đồng và trả tiền cho cửa hàng Kim Thành nên không truy cứu bị cáo N về hành vi này.

Theo biên bản đối chất ngày 21/12/2018, giữa bị cáo N và bà Tuyền, xác nhận bị cáo làm giả 20 hợp đồng mua bán hàng gia dụng. Quá trình làm việc bị cáo chỉ thừa nhận làm giả 07 hợp đồng gia dụng.

Theo kết luận giám định số: 176 ngày 14/12/2018, của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận không đủ cơ sở để xác định bị cáo N giả chữ

ký của các hợp đồng gia dụng, nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với 13 hợp đồng gia dụng còn lại.

Trong vụ án này, anh Đức là người giao hàng của cửa hàng Kim Thành, anh Đức không biết bị cáo N có hành vi lừa đảo nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 92/2019/HS-ST ngày 20-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng đã tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 1999)

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu N 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về bồi thường, án phí, quyền yêu cầu thi hành án, trách nhiệm chậm thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01-7-2019 bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Bị cáo khai nhận thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm, không thắc mắc khiếu nại bản án sơ thẩm. Về kháng cáo, thay đổi kháng cáo đề nghị áp dụng Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo; đồng thời xuất trình tài liệu chứng minh bị cáo đang có thai từ 20 tuần đến 21 tuần; đã bồi thường cho bị hại thêm số tiền 23.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b, c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; áp dụng khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xuất phát từ việc bị cáo nợ tiền một số người và để có tiền trả nợ, nên trong khoảng thời gian từ tháng 6-2014 đến khoảng tháng 10-2014, bị cáo Lê Thị Thu N thực hiện hành vi gian dối “*Lập 16 hợp đồng giả*” của Cửa hàng Kim Thành chiếm đoạt tài sản bằng cách giả chữ ký của khách hàng, ghi địa chỉ giả, sau đó bị cáo báo về cho Cửa hàng để cử nhân viên giao hàng, nhằm chiếm đoạt tiền bán hàng của Cửa hàng Kim Thành lấy tiền trả nợ. Đối chiếu lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, người liên quan; kết luận giám định, định giá, Cấp sơ thẩm đánh giá toàn diện chứng cứ, đã tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến tài sản của người

khác được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo thực hiện 12 lần chiếm đoạt tài sản trị giá trên 2.000.000đ, trong khi đó bị cáo là nhân viên tiếp thị được trả hoa hồng, các lần bị cáo chiếm đoạt chủ yếu để trả nợ, chứ không phải “*lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính*”. Do vậy, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng định khung “*phạm tội có tính chuyên nghiệp*” quy định điểm b khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 là không đúng. Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm để áp dụng khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

- Về áp dụng pháp luật tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01-01-2018 nhưng xét xử sau ngày 01-01-2018, trong khi đó, Tòa án áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 là không đúng, nên sửa bản án sơ thẩm về áp dụng tình tiết giảm nhẹ. Do vậy, bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường thiệt hại một phần, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (*sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 2015*). Tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới như bồi thường thiệt hại thêm 23.000.000đ cho bị hại; xuất trình tài liệu chứng minh bị cáo đang có thai từ 20 tuần đến 21 tuần, nên áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuy bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; trong khi đó, kháng cáo đề nghị áp dụng Điều 65 đề nghị được hưởng án treo là không chấp nhận. Bởi lẽ bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội nhiều lần*”, thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo NQ 02/2018/NQ-HĐTP. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo; giảm một phần hình phạt cho bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận một phần, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm điểm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b, c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thu Nga, sửa bản án sơ thẩm. Xử.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, s, n khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo bị cáo Lê Thị Thu N 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Thị Thu N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT(I) – TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KTNV&THA (03);
- TAND huyện Đức Trọng (02);
- VKSND huyện Đức Trọng (01);
- CSĐT Công an huyện Đức Trọng (01);
- THAHS Công an huyện Đức Trọng (01);
- Bị cáo (01);
- Lưu hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ, Án văn./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Kim Đồng

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao
- VKS tỉnh Lâm Đồng (1)
- Phòng KTNV&THA (1)
- TA huyện Đức Trọng (02)
- VKS huyện Đức Trọng (1)
- Công an huyện Đức Trọng (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1)
- Chi cục THADS Đức Trọng (1)
- Các bị cáo (*để thi hành*);
- Hồ sơ THAHS (04)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Đồng

- Lưu hồ sơ; Ấn văn.